

KHUYẾN NGHỊ NĂM GIỮ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG (HOSE: DRC) VỮNG TAY LÁI

Giá hiện tại:	31,650	Ngày viết báo cáo:	19/02/2024	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
Giá mục tiêu trước:		Cổ phiếu lưu hành (Triệu)	119	Tập đoàn Hóa chất VN	50.5%
Giá mục tiêu mới:	32,800	Vốn hóa (tỷ VND)	3,540	KWE Beteiligungen AG	5.0%
Tỷ suất cổ tức	2%	Thanh khoản BQ 30n (Triệu):	0.48	Amersham Industries Ltd	1.6%
Tiềm năng tăng giá	5%	Sở hữu nước ngoài	0.1%		

Bộ phận Research:

Lưu Thuỳ Linh
(Điện, Phân bón – Hoá chất)
Linhlt2@bsc.com.vn

QUAN ĐIỂM ĐỊNH GIÁ

BSC khuyến nghị **NĂM GIỮ** đối với cổ phiếu **DRC** và **nâng giá mục tiêu 2024F** lên **32,800 VNĐ/CP** (Upside 5% so với giá đóng cửa ngày 19/02/2023, bao gồm 2% tỷ suất cổ tức), dựa trên phương pháp định giá EV/EBITDA với tỷ lệ mục tiêu là 6.x tương đương mức trung bình 2016 – 2022.

Chúng tôi điều chỉnh giá mục tiêu chủ yếu do thay đổi dự phóng lợi nhuận ròng 2024F (tăng +4% so với dự báo trước đó) và khuyến nghị Năm giữ bởi **cổ phiếu DRC đã tăng +35%** kể từ báo cáo gần nhất của chúng tôi.

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ (tham khảo báo cáo gần nhất)

- Biên lợi nhuận cải thiện được kỳ vọng giúp nhuận ròng 2024F dự phóng tăng +37% YoY. Hiệu quả hoạt động cải thiện nhờ: **(1.1)** giá nguyên liệu duy trì mức thấp và **(1.2)** tỷ trọng đóng góp lớn hơn từ mảng Radial có biên lợi nhuận cao hơn
- Vận hành nhà máy Radial giai đoạn 3 (+67% công suất) đảm bảo tăng trưởng giai đoạn 2024F – 2026F;

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH

- Lũy kế cả năm 2023 Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của DRC lần lượt đạt 4,495 tỷ VND (-8% YoY) và 248 tỷ VND (-19% YoY) tương ứng 101% so với dự phóng của BSC;
- Lợi nhuận gộp đạt 651 tỷ VND (-20% YoY), biên LNG đạt 14% (-2đpt) chủ yếu do: giá nguyên vật liệu cao trong đầu năm 2023;
- Chi phí bán hàng đạt 268 tỷ VND (-16% YoY) nhờ cước vận tải biển giảm;

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2024, BSC dự phóng **doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế DRC đạt 4,793 tỷ VND (+7% YoY) và 345 tỷ VND (+39% YoY)**, thay đổi lần lượt **-1%/+4%** so với dự phóng cũ. Tương ứng với đó là **P/E fw 2024F = 11.1x** và **EV/EBITDA fw 2024F = 6.3x**. Dự phóng của chúng tôi dựa trên các giả định:

- Sản lượng lớp Radial và lớp Bias lần lượt đạt: 842 nghìn chiếc (+11% YoY) và 399 nghìn chiếc (-7% YoY);
- Biên lợi nhuận gộp đạt 17.2% tăng +2.7đpt svck nhờ: **(2.1)** chi phí nguyên vật liệu giảm svck và **(2.2)** tỷ trọng đóng góp của lớp Radial có biên lợi nhuận cao tăng

RỦI RO

- Rủi ro thị trường xuất khẩu kém hơn dự báo do chính sách về thuế;
- Rủi ro nhu cầu thị trường nội địa phục hồi chậm

Chỉ số	2022	2023	2024F	VNIIndex	KQKD	2021	2022	2023	2024F
PE (x)	8.0	12.7	11.5	14.0	Doanh thu thuần	4,380	4,899	4,495	4,793
PB (x)	1.3	1.7	1.7	1.6	Lợi nhuận gộp	747	811	651	826
PS (x)	0.5	0.7	0.8	1.5	NPATMI	291	307	248	345
ROE (%)	17%	8%	10%	16%	EPS	2,448	2,586	2,085	2,847
ROA (%)	9%	5%	6%	6%	Tăng trưởng EPS	13%	6%	-19%	37%

CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

Cập nhật Kết quả kinh doanh quý 4/2023

Tỷ đồng	Q4.2023	Q4.2022	% YoY	2023	2022	% YoY	Cập nhật kết quả kinh doanh
DT thuần	1,097	1,114	-2%	4,495	4,899	-8%	<p>Quý 4/2023:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần đạt: 1,097 tỷ VND đi ngang svck và so với quý 3; - Lợi nhuận gộp đạt 202 tỷ VND (+14% YoY), biên LNG đạt 18%, tăng +2% svck và tăng 2.4% so với quý 3; Biên lợi nhuận cải thiện chủ yếu nhờ giá nguyên liệu đầu vào giảm; - Chi phí tài chính đạt 11 tỷ VND (-63% YoY) do lỗ tỷ giá giảm 15 tỷ svck; - Chi phí bán hàng đạt 71 tỷ VND (+45% YoY, +4% QoQ) do tỷ trọng doanh thu xuất khẩu tăng; <p>Tổng kết lại, LNST Q4/2023 đạt 96 tỷ VND (+19% YoY)</p> <p>Luỹ kế năm 2023</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luỹ kế cả năm 2023 Doanh thu thuần đạt 4,495 tỷ VND (-8% YoY); - Lợi nhuận gộp đạt 651 tỷ VND (-20% YoY), biên LNG đạt 14% (-2% YoY) chủ yếu do: giá nguyên vật liệu cao trong đầu năm 2023; - Chi phí tài chính đạt 57 tỷ VND (-38% YoY) nhờ lỗ tỷ giá giảm; - Chi phí bán hàng đạt 268 tỷ VND (-16% YoY) nhờ cước vận tải biển giảm; <p>Tổng kết lại, Lợi nhuận sau thuế 2023 đạt 248 tỷ VND (-19% YoY);</p> <p>Đánh giá của BSC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - KQKD Q4/2023 đạt 101% so với dự báo của chúng tôi, chủ yếu do biên lợi nhuận phục hồi mạnh hơn dự kiến; - Biên lợi nhuận của DRC liên tục cải thiện từ quý 2 đến nay và biên lợi nhuận gộp Q4/2023 đã đạt vượt mức nền cao 2021 - 2022;
Giá vốn	(896)	(935)	-4%	(3,844)	(4,085)	-6%	
Lãi gộp	202	179	12%	651	813	-20%	
DT tài chính	16	22	-27%	53	62	-15%	
CP tài chính	(11)	(31)	-63%	(57)	(92)	-38%	
Lãi vay	(3)	(7)	-51%	(21)	(19)	13%	
Lãi từ CTLK	-	-	-	-	-	-	
CP BH	(71)	(52)	37%	(268)	(321)	-17%	
CP QLDN	(14)	(15)	-10%	(72)	(76)	-6%	
Lãi từ HĐKD	122	104	17%	307	386	-20%	
TN khác, rỗng	(0)	0	-147%	0	1	-91%	
LNST	122	104	17%	307	387	-21%	
Thuế	(26)	(22)	16%	(59)	(78)	-24%	
LNST	96	82	17%	248	308	-20%	
CĐTS	-	-	-	-	-	-	
LNST-CĐTS	96	82	17%	248	308	-20%	
Chỉ số							
Biên LNG	18%	16%	+2.3 đpt	14%	17%	-2.1 đpt	
Biên LNR	9%	7%	+1.4 đpt	6%	6%	-0.8 đpt	
SG&A/DT	8%	6%	+1.7 đpt	8%	8%	-0.6 đpt	

Nguồn: DRC, BSC Research

Luỹ kế cả năm 2023 doanh thu xuất khẩu bù đắp một phần doanh thu nội địa sụt giảm

Luỹ kế 2023, doanh thu nội địa đạt 1,594 tỷ VND (-27% YoY) do nhu cầu nội địa yếu, sản lượng lốp nội địa giảm mạnh svck (357 nghìn chiếc, tương ứng giảm -19% svck);

Bù đắp lại, doanh thu xuất khẩu đạt 2,977 tỷ VND (+1% YoY) chủ yếu nhờ mặt hàng chủ lực lốp Radial duy trì đà tăng trưởng, xuất khẩu đạt 672 nghìn chiếc, tăng +6% so với cả năm 2023.

Về sản lượng xuất khẩu:

- Sản lượng XK lốp Radial năm 2023 tăng +6% svck 2022, DRC đã đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường Mỹ và Ai Cập để bù đắp một phần sản lượng giảm tại Brazil;
- Sản lượng XK lốp Bias giảm -3% svck, đạt 158 nghìn chiếc

Về giá xuất khẩu:

- Giá XK Radial bình quân 2023 giảm -3% svck, tính riêng trong Q4/2023 giá XK Radial giảm -8% svck và -2% so với Q3 do DRC tăng chiết khấu cho khách hàng;
- Giá XK Bias bình quân 2023 giảm -4 svck

Bảng: Số liệu xuất khẩu DRC trong Q4/2023

	Đơn vị	Q4/2023	%YoY	%QoQ	2023	2022	%YoY
Doanh thu xuất khẩu	Triệu USD	29	-5%	-8%	126	125	1%
Sản lượng radial XK	Nghìn chiếc	151	-6%	-13%	672	631	6%
DT radial XK	1,000 USD	22	-14%	-15%	100	99	1%
Sản lượng Bias XK	Nghìn chiếc	41	29%	22%	159	165	-3%
DT Bias XK	Triệu USD	4	5%	20%	14	16	-10%
Tỷ trọng DT XK	%	63%	+0.5 đpt	-2.7 đpt	65%	57%	+7.7 đpt
Biên LNG	%	19%	+2.4 đpt	+1.7 đpt	14%	17%	-2.1 đpt
<i>Giá XK Radial</i>	USD	145	-8%	-2%	151	156	-3%
<i>Giá XK Bias</i>	USD	86	-18%	-2%	90	94	-4%

Nguồn: DRC, BSC Research

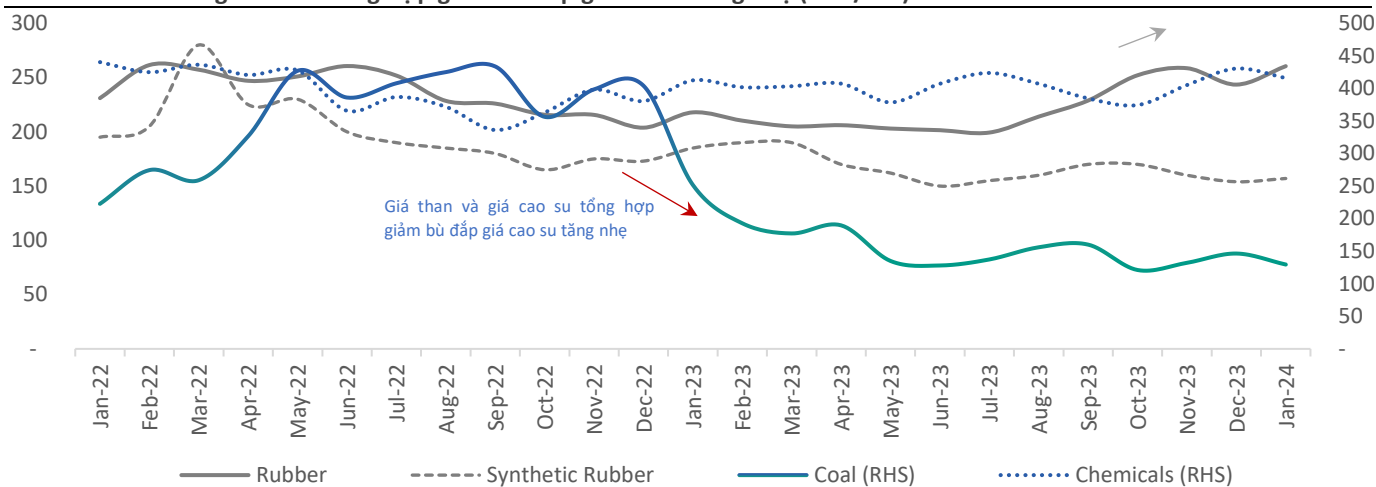
LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ (tham khảo báo cáo gần nhất)

1. Biên lợi nhuận cải thiện được kỳ vọng giúp nhuận ròng 2024F dự phóng tăng +37% so với cùng kỳ

Hiệu quả hoạt động cải thiện nhờ: **(1.1)** giá nguyên liệu duy trì mức thấp và **(1.2)** tỷ trọng đóng góp lớn hơn từ mảng Radial có biên lợi nhuận cao hơn

(1.1) Xu hướng giá nguyên vật liệu thuận lợi

Hình: Giá than và giá cao su tổng hợp giảm bù đắp giá cao su tăng nhẹ (USD/tấn)



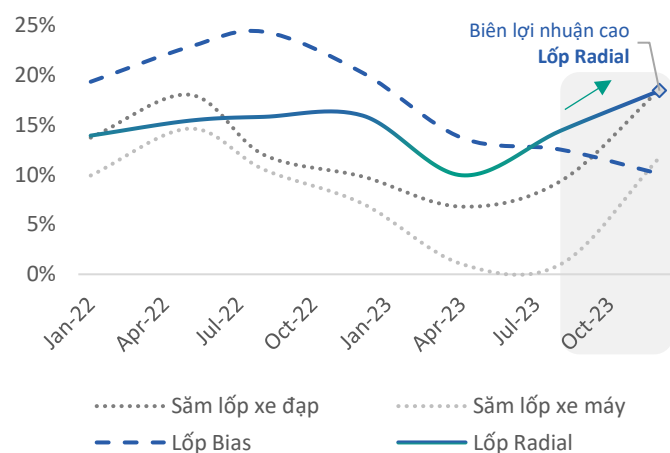
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi phí nguyên vật liệu đầu duy trì ổn định sau khi giảm từ từ mức nền cao 1H/2023. Giá các nguyên vật liệu chính quý 4/2023 giảm svck: cao su tổng hợp, hóa chất và than lần lượt giảm -16%, -20% và -30% svck, bù đắp lại giá cao su tăng +6% svck;

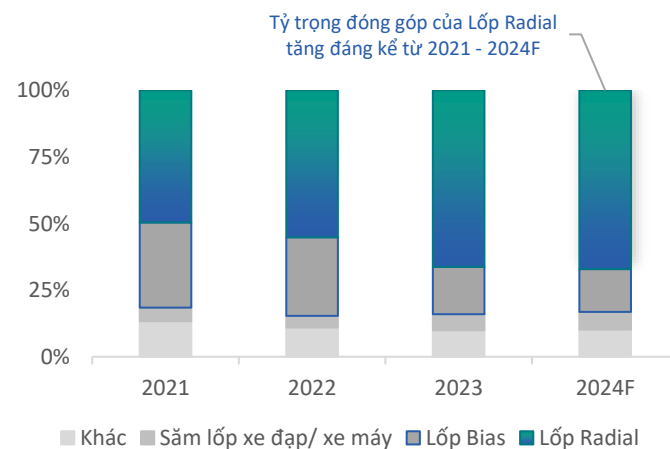
Chúng tôi dự báo giá cao su tổng hợp sẽ diễn biến đồng pha với xu hướng giá dầu, đi ngang trong năm 2024. Bên cạnh đó, với nguồn dự trữ tồn kho lớn tại Trung Quốc, giá than bình quân 2024F được dự báo giảm -14% svck sẽ bù đắp cho giá cao su tự nhiên tăng +10% svck.

(1.2) Tỷ trọng đóng góp lớn hơn từ mảng Radial có biên lợi nhuận cao hơn

Hình: Biên lợi nhuận gộp một số sản phẩm chính của DRC



Hình: Tỷ trọng đóng góp lợi nhuận gộp của DRC

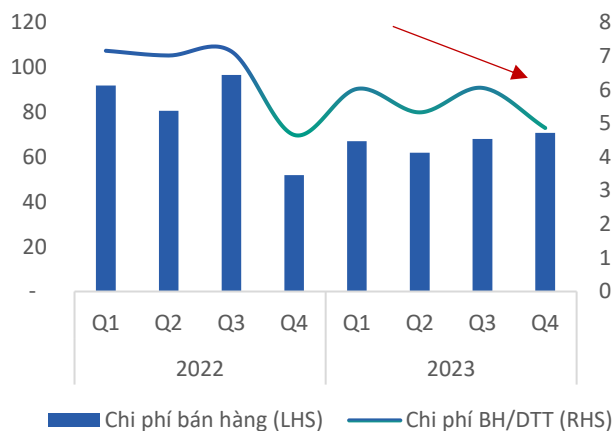


Nguồn: DRC, BSC Research

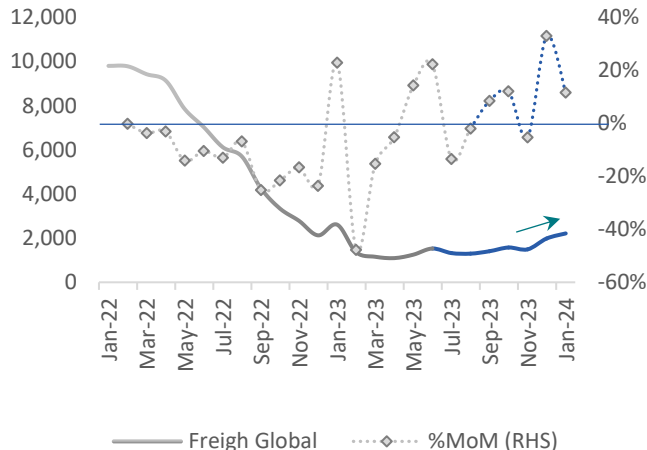
Tỷ trọng đóng góp từ mảng Radial có xu hướng tăng dần, từ 46% lên 63% trong giai đoạn Q1/2022 – Q4/2023, mảng Radial có biên lợi nhuận gộp cao hơn đáng kể. Chúng tôi kỳ vọng, tỷ trọng đóng góp lớn hơn từ mảng Radial có biên lợi nhuận cao sẽ góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động của DRC.

Chi phí vận chuyển quốc tế duy trì ở mức thấp hỗ trợ hoạt động xuất khẩu lớp Radial

Hình: Chi phí bán hàng/ Doanh thu thuần giảm



Hình: Giá cước vận tải thế giới biến động do căng thẳng chính trị (USD)



Nguồn: DRC, BSC Research

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

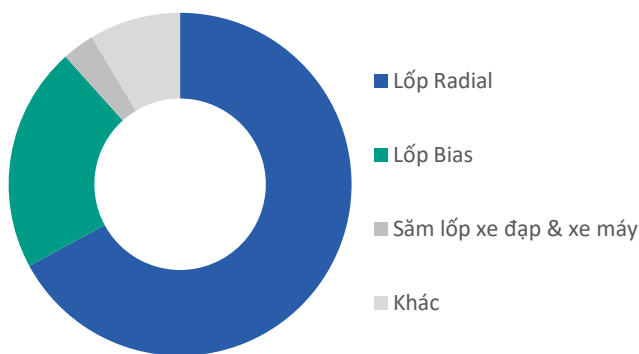
Chi phí vận chuyển quốc tế giảm về mức thấp tạo điều kiện thuận lợi cho DRC trong bối cảnh doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu lớp Radial. Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần giảm từ mức đỉnh 7.4% trong về 4.9% trong Q4/2023.

Các đơn hàng xuất khẩu của DRC chủ yếu theo hình thức FOB nên sẽ không chịu ảnh hưởng bởi giá cước. Dù vậy, trong trường hợp giá cước tăng mạnh và đột ngột có thể ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, và doanh nghiệp sẽ phải tăng chiết khấu, tăng chi phí bán hàng, ...

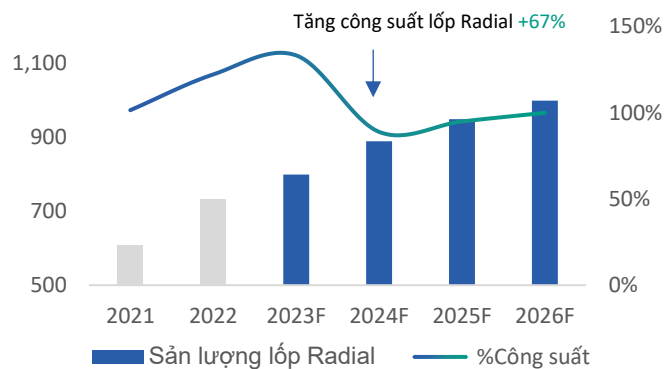
Cước vận tải biển biến động do căng thẳng chính trị tại một số khu vực, tuy nhiên hiện tại vẫn thấp hơn -40% so với mức đỉnh và chúng tôi kỳ vọng tỷ lệ chi phí bán hàng/doanh thu thuần của DRC trong 2024F sẽ đi ngang svck đạt 6%, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu lớp.

2. Vận hành nhà máy Radial giai đoạn 3 (+67% công suất) đảm bảo tăng trưởng giai đoạn 2024F – 2026F

Hình: Lợi nhuận gộp của DRC được dẫn dắt bởi lớp Radial (%)



Hình: Nâng công suất lớp Radial lên 1 triệu lớp/năm



Nguồn: BSC Research tổng hợp

Lớp Radial đóng góp hơn 70% lợi nhuận gộp của DRC và chúng tôi cho rằng lớp Radial sẽ tiếp tục dẫn dắt lợi nhuận của DRC giai đoạn 2024F – 2026F với CAGR sản lượng lớp Radial = 7.7%. DRC sẽ vận hành nhà máy Radial giai đoạn

3 trong khoảng Q2/2024, nhà máy này sẽ nâng công suất lốp Radial của DRC từ 600,000 lốp/năm lên 1,000,000 lốp/năm tương ứng gia tăng +67% công suất.

Với xu hướng dịch chuyển từ lốp Bias sang lốp Radial trong nước cùng nhu cầu lốp Radial tại các thị trường xuất khẩu duy trì mức tốt, BSC cho rằng DRC sẽ không gặp trở ngại trong việc tiêu thụ phần công suất lốp Radial tăng thêm.

Chỉ số Hàng tồn kho/Doanh thu (Inventory/Sales) giảm là tín hiệu sớm cho việc **nhu cầu vận tải phục hồi** ([tham khảo báo cáo gần nhất](#)) và chúng tôi kỳ vọng **nhu cầu lốp xe tải sẽ cải thiện trong 2024F** và **DRC sẽ không gặp khó khăn trong việc thúc đẩy xuất khẩu nhờ:**

(1) DRC đã khẳng định tên tuổi trên thị trường quốc tế và chinh phục thành công các thị trường khó tính như Mỹ và;
(2) DRC hướng tới dòng lốp Radial chất lượng cao, đạt các tiêu chuẩn Smartway và DOT đồng thời được chứng nhận các chứng chỉ: châu Âu (E-Mark), Nhật Bản (JIS), Indonesia (SNI), Brazil (INMETRO), Ấn Độ (BIS).

RỦI RO

- Rủi ro thị trường xuất khẩu kém hơn dự báo do chính sách về thuế;
- Rủi ro nhu cầu thị trường nội địa phục hồi chậm;
- Rủi ro giá nguyên vật liệu đầu vào tăng và giá bán bình quân thấp hơn dự báo.

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 – 2024

Bảng: Dự phóng KQKD 2024F

	2022	2023	2024F	2024F cũ	% Thay đổi dự phóng
Doanh thu thuần	4,899	4,495	4,793	4,854	-1%
<i>Tăng trưởng</i>	<i>12%</i>	<i>-8%</i>	<i>7%</i>	<i>7%</i>	
Lợi nhuận gộp	811	651	826	821	1%
Lợi nhuận ròng	307	248	345	332	4%
<i>Tăng trưởng</i>	<i>6%</i>	<i>-19%</i>	<i>39%</i>	<i>35%</i>	
Biên lợi nhuận gộp	16.6%	14.5%	17.2%	16.9%	+1.7đpt
Chi phí SG&A/DTT	8.1%	7.6%	7.6%	7.7%	-6%
Biên lợi nhuận ròng	6.3%	5.5%	7.2%	6.8%	40%

Nguồn: BSC Research

BSC dự phóng doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế 2024F của DRC lần lượt đạt **4,793 tỷ VND (+7% YoY)** và **345 tỷ VND (+39% YoY)**, tương ứng thay đổi lần lượt -1% và +4% so với dự phóng trước là 4,854 tỷ VND (+7% YoY) và 332 tỷ VND (+35% YoY). Các giả định chính của chúng tôi bao gồm:

Bảng: Giả định cho dự phóng KDKQ 2023F - 2024F

	Đơn vị	2022	2023	2024F mới	2024F cũ	%Thay đổi dự phóng
Sản lượng lớp Bias	Nghìn chiếc	557	427	399	389	3%
<i>Tăng trưởng</i>	%	<i>-22%</i>	<i>-23%</i>	<i>-7%</i>	<i>-9%</i>	
Sản lượng lớp Radial	Nghìn chiếc	733	761	842	889	-5%
<i>Tăng trưởng</i>	%	<i>20%</i>	<i>4%</i>	<i>11%</i>	<i>17%</i>	
Doanh thu lớp Bias	Tỷ VND	1,120	784	701	648	8%
<i>Tăng trưởng</i>	%	<i>-14%</i>	<i>-30%</i>	<i>-11%</i>	<i>-17%</i>	
Doanh thu lớp Radial	Tỷ VND	2,946	3,022	3,125	3,193	-2%
<i>Tăng trưởng</i>	%	<i>28%</i>	<i>3%</i>	<i>3%</i>	<i>6%</i>	

Nguồn: BSC Research

- Sản lượng lớp Bias đạt 399 nghìn lớp (-7% YoY), tăng +3% so với dự phóng cũ do chúng tôi tăng giả định về sản lượng tiêu thụ lớp Bias trong nước;
- Sản lượng lớp Radial đạt 842 nghìn lớp (+11% YoY), giảm -5% so với dự phóng cũ do chúng tôi giảm giả định về sản lượng lớp Radial xuất khẩu trong bối cảnh chờ quyết định cuối cùng về sự kiện áp thuế chống bán phá giá với lớp Thái Lan;
- Biên lợi nhuận gộp tăng +1.7đpt chủ yếu do nâng giả định giá bán bình quân của lớp Radial (+3%) và lớp Bias (+5%).

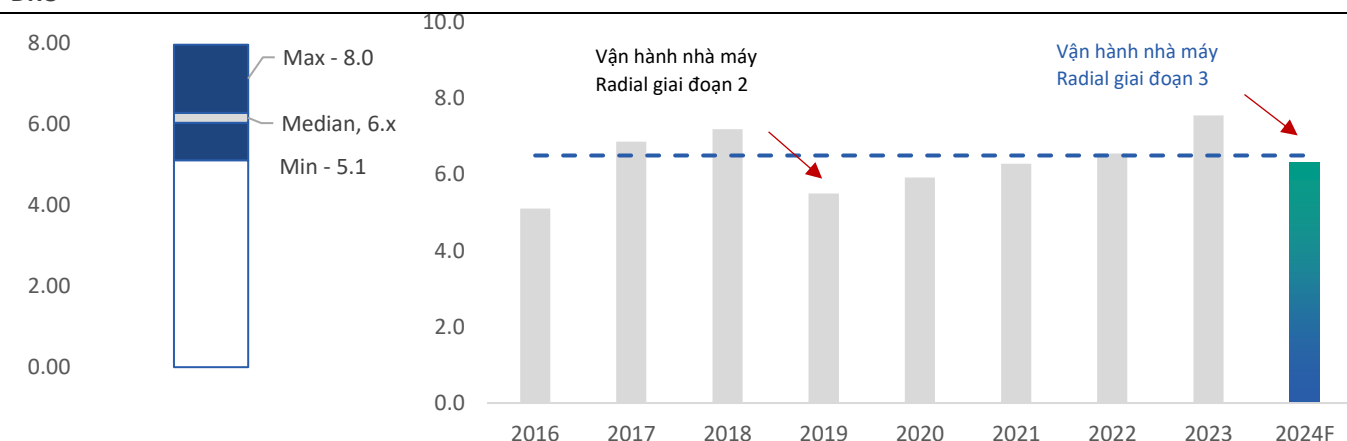
ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

BSC khuyến nghị **NẮM GIỮ** đối với cổ phiếu **DRC** và **nâng giá mục tiêu 2024F** lên **32,800 VNĐ/CP** (Upside 5% so với giá đóng cửa ngày 19/02/2023, bao gồm 2% tỷ suất cổ tức), dựa trên phương pháp định giá EV/EBITDA với tỷ lệ mục tiêu là 6.x tương đương mức trung bình 2016 – 2022.

Chúng tôi điều chỉnh giá mục tiêu chủ yếu do thay đổi dự phóng lợi nhuận ròng 2024F (tăng +4% so với dự báo trước đó) và khuyến nghị Nắm giữ bởi **cổ phiếu DRC đã tăng +35%** kể từ **báo cáo gần nhất** của chúng tôi.

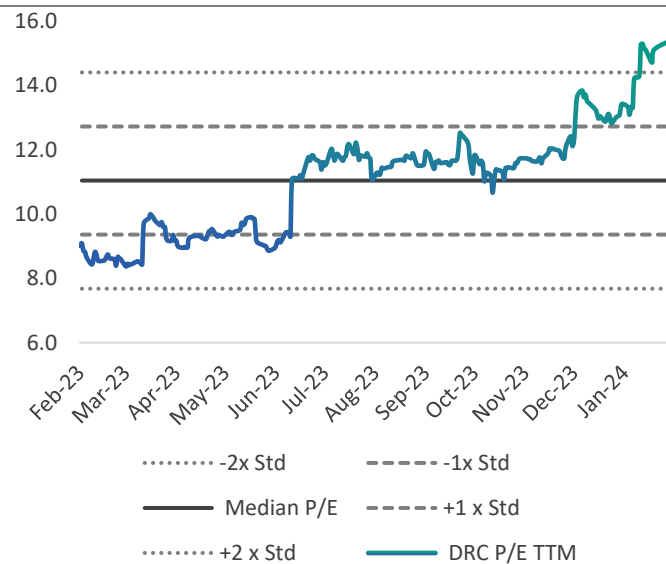
Hình: Biên độ EV/EBITDA lịch sử của DRC

DRC

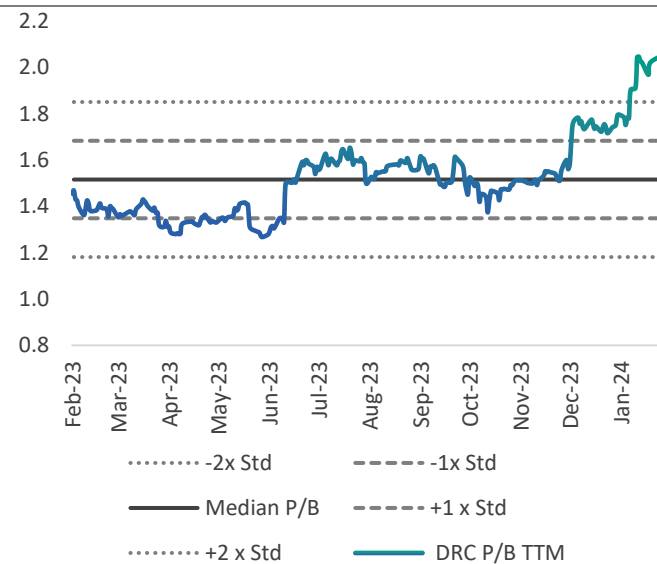


Nguồn: FiinX, BSC Research

Hình: Định giá PE



Hình: Định giá PB



Nguồn: BSC Research

PHỤ LỤC

KQKD(Tỷ VND)	2021	2022	2023	2024F
Doanh thu thuần	4,380	4,899	4,495	4,793
Giá vốn hàng bán	(3,632)	(4,088)	(3,844)	(3,967)
Lợi nhuận gộp	747	811	651	826
Chi phí bán hàng	(303)	(318)	(268)	(291)
Chi phí QLDN	(65)	(77)	(72)	(76)
Lãi/lỗ HĐKD	365	385	307	460
Doanh thu tài chính	37	62	53	44
Chi phí tài chính	(51)	(92)	(57)	(71)
Lợi nhuận từ CTLD/LK	-	-	-	-
Lãi/lỗ khác	(1)	1	0	0
Lợi nhuận trước thuế	364	386	307	433
Thuế thu nhập DN	(73)	(79)	(59)	(87)
LNST công ty mẹ	291	307	248	345
CĐTS	-	-	-	-
EBITDA	483	523	397	583
EPS	2,448	2,586	2,085	2,847

CĐKT (Tỷ VND)	2021	2022	2023	2024F
Tiền & ĐT	90	155	321	327
Đầu tư ngắn hạn	320	210	134	325
Phải thu ngắn hạn	208	257	456	380
Tồn kho	1,429	1,708	1,185	1,428
TS ngắn hạn khác	67	127	196	130
TS ngắn hạn	2,114	2,457	2,291	2,590
TS hữu hình	975	901	939	1,276
Khấu hao	104	108	86	123
TS dở dang dài hạn	0	12	129	-
ĐT dài hạn	-	-	-	-
TS dài hạn khác	41	43	42	42
TS dài hạn	1,022	960	1,115	1,323
Tổng Tài sản	3,136	3,418	3,407	3,899
Nợ phải trả	406	471	558	317
Vay ngắn hạn	572	686	565	572
Nợ ngắn hạn khác	382	349	407	395
Tổng Nợ ngắn hạn	1,360	1,507	1,529	1,285
Vay dài hạn	2	1	25	-
Nợ dài hạn khác	0	0	-	0
Tổng Nợ dài hạn	2	1	25	0
Tổng Nợ	1,362	1,508	1,554	1,285
Vốn góp	1,188	1,188	1,188	1,188
LN chưa phân phối	241	318	200	603
Vốn chủ khác	324	382	443	538
Cổ đông thiểu số	-	-	-	-
Tổng Vốn chủ sở hữu	1,774	1,910	1,853	2,329
Tổng nguồn vốn	3,136	3,418	3,407	3,614
SLCP lưu hành (Triệu)	119	119	119	119

LCTT (Tỷ VND)	2021	2022	2023	2024F
(Lỗ)/LNNT	364	386	307	433
Khấu hao và phân bổ	(104)	(82)	(85)	(124)
Thay đổi vốn lưu động	184	197	(353)	98
Điều chỉnh khác	(485)	(505)	(516)	(502)
LCTT từ HĐKD	-68	28	45	45
Tiền chi mua TSCĐ	(10)	(13)	(746)	(746)
Đầu tư khác	(163)	134	8	8
LCTT từ HĐ đầu tư	(173)	121	(738)	(738)
Tiền chi trả cổ tức	(119)	(202)	(59)	(59)
Tiền thu khác	261	(183)	918	924
LCTT từ HĐ Tài chính	142	(83)	858	865
Dòng tiền đầu kỳ	189	90	155	155
Dòng tiền cuối kỳ	90	155	321	327

Chỉ số	2021	2022	2023	2024F
Khả năng thanh toán				
Hsố TT ngắn hạn	1.6	1.7	1.6	2.9
Hsố TT nhanh	0.5	0.5	0.8	1.3
Cơ cấu vốn				
Hsố Nợ/TTS	43%	44%	46%	33%
Hsố Nợ/VCSH	77%	79%	76%	55%
Năng lực hoạt động				
Số ngày HTK	111.4	140.0	137.3	120.2
Số ngày phải thu	14.1	17.3	37.0	31.8
Số ngày phải trả	59.8	69.5	80.5	72.1
CCC	65.7	87.9	85.8	79.9
Tỉ suất lợi nhuận				
Lợi nhuận gộp	17%	17%	14%	17%
LNST	7%	6%	6%	7%
ROE	16%	16%	12%	15%
ROA	10%	9%	7%	9%
Định Giá				
P/E	13.4	11.7	12.7	11.5
P/B	2.2	1.3	1.7	1.7
Tăng trưởng				
Tăng trưởng DTT	20%	12%	-8%	7%
Tăng trưởng EBIT	102%	110%	85%	148%
Tăng trưởng LNNT	14%	6%	-8%	41%
Tăng trưởng EPS	13%	6%	-14%	37%

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8&9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>

<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

